

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HS-PT

Ngày: 17/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Nhuận

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 31/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Thị T do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Thị T, sinh ngày 01/01/1972, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn C (chết) và bà Ngô Thị U; có chồng tên Lâm Văn R và 01 con sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 09/10/2023 cho đến nay (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm: Bị hại bà Bùi Thanh M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 03/8/2023, bị cáo Huỳnh Thị T đi bộ đến nhà của bị hại bà Bùi Thanh M (chủ cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng) để

mua xi măng. Khi đến nhà của bà M, bị cáo T quan sát thấy nhà không có ai trông coi nên bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Lúc này, bị cáo T đi vào phòng ngủ của bà M thì phát hiện trong hộp tủ có 300.000 đồng, bị cáo lấy bỏ vào túi quần rồi đi ra khỏi phòng, sau đó bị cáo T tiếp tục đi vào phòng ngủ của bà M để tìm đôi dép thì phát hiện có túi xách để trên giường, bị cáo T mở túi xách ra xem thì phát hiện có 7.900.000 đồng và bị cáo lấy tiền bỏ vào túi quần rồi đi về nhà của mình. Đến ngày 04/8/2023, bị hại M phát hiện bị mất tiền nên đã đến Công an xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng trình báo sự việc; Công an xã P lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền. Tổng số tiền mà bị cáo Huỳnh Thị T chiếm đoạt của bị hại M là 8.200.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 26 tháng 01 năm 2024, bị cáo Huỳnh Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo với những lý do sau: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, chấp hành pháp luật trong các giai đoạn tố tụng, bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình và đang chăm sóc mẹ già 90 tuổi, bệnh tật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Huỳnh Thị T vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo T kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đồng thời tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa

bàn diễn ra khá phức tạp nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị T là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn, hình thức và nội dung kháng cáo theo quy định các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, căn cứ Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị T, về tội danh áp dụng đối với bị cáo T: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, có căn cứ xác định vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 03/8/2023, bị cáo T đi bộ đến nhà của bị hại bà Bùi Thanh M để mua xi măng, khi đến nhà của bà M, bị cáo T quan sát thấy nhà không có ai trông coi nên bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo T đi vào phòng ngủ của bà M phát hiện trong hộp tủ có 300.000 đồng, bị cáo lấy bỏ vào túi quần rồi đi ra khỏi phòng, sau đó bị cáo T tiếp tục đi vào phòng ngủ của bà M để tìm đôi dép thì phát hiện có túi xách để trên giường, bị cáo T mở túi xách ra xem thì phát hiện có 7.900.000 đồng và bị cáo lấy tiền bỏ vào túi quần rồi đi về nhà của mình. Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bà M là 8.200.000 đồng; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền là 12.000.000 đồng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt và được bị hại làm đơn bãi nại quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 09 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự, bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Tuy nhiên, do tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C diễn ra phức tạp, hành vi phạm tội của bị cáo gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, việc cho bị cáo hưởng án treo là không đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, nên kháng cáo của bị cáo xin được án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị T về việc xin hưởng án treo; giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị T của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Huỳnh Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị T về việc xin hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị T của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Huỳnh Thị T chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 TAND tối cao (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện Châu Thành (02);
- VKSND huyện Châu Thành (01);
- CQCSĐT-Công an huyện Châu Thành (01);
- CQTHAHS-Công an huyện Châu Thành (01);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (01);
- Bị cáo (01);
- CQTHAHS Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS, VP (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lâm Tấn Vinh